

Bản án số: 05/2021/HS- ST
Ngày 12-01-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TU, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô
2. Ông Huỳnh Sơn Tây

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Y – Thư ký Toà án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã TU xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 254/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 270/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; hộ khẩu thường trú: 76/22B6 H, phường 13, quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 01/12; con ông Nguyễn Văn Y (đã chết) và bà Võ Thị T (đã chết). Bị cáo có 07 anh chị em (không nhớ năm sinh), có chồng Huỳnh X, sinh năm 1943 (đã chết); có 03 người con: Người lớn sinh năm 1977, người N1 sinh năm 1982. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 13/9/1984, bị Công an huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh bắt giữ về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 29/7/1997, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh xử phạt 9 tháng tù cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 18 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 34/HS-ST.

- Ngày 19/11/2004, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 222/HSST, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

- Ngày 22/5/2006, bị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 41/2006/HSPT, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

- Ngày 02/11/2020 có hành vi “Trộm cắp tài sản”, bị Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 53/2020/HSST, ngày 30/11/2020.

Ngày 29/02/2020, có hành vi “Trộm cắp tài sản”, ngày 04/7/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TU Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can và Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

2 Bị hại: Bà Lê Thị Bé N1, sinh năm 1974; địa chỉ: Khu phố K, phường T, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3 Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1970; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1971; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 030 phút ngày 29/02/2020, Nguyễn Thị N mua 02 bịch cháo lòng của bà Lê Thị Bé N1 đang bán cháo lòng tại chợ T, thị xã TU để mang đi. Trong lúc bà Bé bán cháo, N nhìn thấy trong túi áo khoác của bà Bé có tiền nên đã dùng tay lấy trộm. Khi N lấy tiền ra khỏi túi bà Bé thì ông Nguyễn Văn L phát hiện truy hô. Ông Nguyễn Thanh P là thành viên Ban quản lý chợ T nghe thấy đã cùng ông L truy bắt N giao Công an phường T, thị xã TU lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và tiến hành tạm giữ vật chứng và tài sản có liên quan gồm 06 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 02 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, 12 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, tổng cộng 3.800.000 đồng (Ba triệu tám trăm nghìn đồng).

Tại Bản kết luận giám định số 146/KLTS-TTHS ngày 08/5/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương xác định: 06 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 02 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, 12 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng thu giữ của Nguyễn Thị N là tiền thật do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành.

Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Thị N đã khai nhận như sau: Do không nghề nghiệp, không có tiền tiêu xài nên nảy sinh ý định đến Bình Dương để tìm tài sản người dân quản lý sơ hở để lấy trộm. Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 29/02/2020, N đón xe buýt đi từ đường H, phường 13, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh đến bến xe Bình Dương. Sau đó đón xe buýt đi đến chợ T, thị xã TU. N nhìn thấy bà Lê Thị Bé N1 đang bán cháo lòng tại chợ T, trong túi áo khoác có tiền nên N đến chỗ bà N1 hỏi mua 02 bịch cháo lòng mang đi với giá 20.000 đồng. Lợi dụng lúc bà N1 đang bán cháo cho khách không để ý xung quanh, N

đi vòng từ bên trái sang bên phải người của bà N1, dùng tay lấy tiền trong túi áo khoác của bà N1 rồi rời khỏi nơi bà N1 bán cháo thì bị phát hiện, bắt giữ.

Quá trình điều tra bà Lê Thị Bé N1 trình bày diễn biến sự việc như lời khai của bị cáo. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TU đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà Lê Thị Bé N1 số tiền 3.800.000 đồng vào ngày 11/7/2020, bà N1 không có yêu cầu gì khác.

Về trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của pháp luật để quyết định hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị N.

Cáo trạng số 251/CT-VKS.TU ngày 24/11/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Thị N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N mức hình phạt từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù. Do bị cáo đang chấp hành hình phạt 09 tháng tù tại Bản án số 53/2020/HSST, ngày 30/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Đồng Tháp, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Thị N phải chấp hành hình phạt chung là 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng đến 02 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/11/2020.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bà Lê Thị Bé N1 đã nhận lại số tiền 3.800.000 đồng và không có yêu cầu gì khác nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Ngày 08/01/2021 bị cáo Nguyễn Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ngày 05/01/2021 bị hại bà Lê Thị Bé N1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được công bố tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã TU, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Ngày 08/01/2021 bị cáo Nguyễn Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đề nghị giữ nguyên lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, có sự xác nhận của Trại tạm giam công an tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 05/01/2021 bị hại bà Lê Thị Bé N1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người làm chứng ông Nguyễn Văn L và ông Nguyễn Thanh P đã được triệu tập

hợp lệ nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 290, 292, 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Thị N tại cơ quan điều tra, truy tố về hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã TU đã truy tố.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 29/02/2020, tại chợ T thuộc khu phố K, phường T, thị xã TU, tỉnh Bình Dương, bị cáo Nguyễn Thị N đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của bà Lê Thị Bé N1 lén lút chiếm đoạt số tiền 3.800.000 đồng thì bị bắt quả tang.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị N đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bản thân bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU truy tố bị cáo về tội danh, khoản và khung hình phạt như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự xã hội tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị trừng trị nhưng vì tham lam nên vẫn cố ý phạm tội và mong muốn chiếm đoạt được tài sản của bị hại. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo để răn đe giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu thể hiện như sau;

- Ngày 13/9/1984, bị Công an huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh bắt giữ về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 29/7/1997, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh xử phạt 9 tháng tù cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 18 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 34/HS-ST.

- Ngày 19/11/2004, bị Tòa án nhân dân quận 8, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 222/HSST, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

- Ngày 22/5/2006, bị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 41/2006/HSPT, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

- Ngày 02/11/2020 có hành vi “Trộm cắp tài sản”, bị Tòa án nhân dân tỉnh thành phố S xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số

53/2020/HSPT, ngày 30/11/2020. Bị cáo đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp;

[7] Mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội bị cáo nên chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Lê Thị Bé N1 đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng: Không có

[10] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 01 (Một) năm tù.

- Căn cứ vào Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp với hình phạt 09 (Chín) tháng tù tại Bản án số 53/2020/HSST, ngày 30/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Buộc bị cáo Nguyễn Thị N phải chấp hành hình phạt chung là 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/11/2020.

2. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thị N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã TU;
- Công an thị xã TU;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lan Hương

